TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BÌNH THẠNH** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 2554/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 29-12-2022
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc An
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Lâm Hoàng Tuấn
2. Bà Nguyễn Thị Bính Thân

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Lê Huy Khang, cán bộ Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà D Thị Thùy Linh - Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 806/2021/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2021, về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 568/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 379/2022/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà Trần Mai D, sinh năm: 1989;
Địa chỉ: cư xá Thanh Đ, Phường X, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn*: Ông Trịnh Quốc D, sinh năm: 1984;
Địa chỉ: cư xá Thanh Đa, Phường X, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của bà Trần Mai D trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

Bà Trần Mai D tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn vào năm 2014 với ông Trịnh Quốc D tại Ủy ban nhân dân phường 27, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông bà chung sống tại Phường X, quận Bình Thạnh. Từ năm 2018, ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm nên thường xuyên xảy ra cãi vã và sống ly thân từ đó cho đến nay. Vào năm 2020, bà đã từng nộp đơn xin ly hôn tại Tòa án nhưng sau đó rút đơn để có cơ hội đoàn tụ gia đình. Tuy nhiên, bà nhận thấy đôi bên vẫn không hòa hợp mặc dù đã cố gắng. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không thể tiếp tục được nữa nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu Tòa án chấp nhận cho bà được ly hôn với ông Trịnh Quốc D;

- Về con chung: Bà trình bày trong thời gian chung sống với ông D có 01 (Một) con chung tên Trịnh Anh M, sinh ngày: 25/7/2015; Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung vì bà là người chăm sóc từ nhỏ và không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà trình bày không có nợ chung và tài sản chung trong thời gian chung sống với ông D.

Đối với bị đơn là ông Trịnh Quốc D, tại bản khai ghi ngày 24/12/2021, ông trình bày như sau: Ông xác nhận quan hệ hôn nhân như bà Trần Mai D trình bày, đồng thời cho rằng giữa ông bà thường xuyên mâu thuẫn do bất đồng quan điểm. Mặc dù vợ chồng đã nhiều lần ngồi lại tìm cách giải quyết mâu thuẫn nhưng vẫn không hòa hợp. Do đó, ông bà cần ly hôn để ổn định cuộc sống riêng. Về con chung chung: Ông đồng ý giao con chung tên Trịnh Anh M, sinh ngày: 25/7/2015 cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng, cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng; Không có tài sản chung và nợ chung. Mặc dù đến ngày 10/01/2022, Tòa án mới nhận được bản khai với nội dung như trên và Đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt qua bưu điện ghi tên ông Trịnh Quốc D nhưng để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của ông, Tòa án vẫn thực hiện việc tống đạt và niêm yết các văn bản tố tụng tại nơi cư trú để ông D được biết và tham gia tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa,

Căn cứ vào đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt ngày 05 tháng 01 năm 2022 của bà Trần Mai D, bà D vẫn giữ nguyên yêu cầu như trên;

Bị đơn ông Trịnh Quốc D có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt ghi ngày 24 tháng 12 năm 2021.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán: Đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48, Điều 170 đến Điều 181, Điều 209, 210, 211 Bộ luật tố tụng Dân sự trong quá trình giải quyết vụ án; Tuy nhiên Tòa án có vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử vụ án theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Đã tuân thủ quy định của pháp luật về tố tụng; Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự;

Về việc giải quyết vụ án: Trong quá trình sống chung bà Trần Mai D và ông Trịnh Quốc D có nhiều bất đồng về quan điểm sống, mặc dù cả hai đã cố gắng tìm ra cách giải quyết mâu thuẫn nhưng vẫn không thể hòa hợp. Bị đơn ông Trịnh Quốc D cũng xác nhận như lời trình bày của bà D là đúng sự thật và đồng ý ly hôn với bà D. Vì vậy, yêu cầu được ly hôn của bà D là tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận; Con chung: Ông D đồng ý giao con chung cho bà D nuôi dưỡng, đồng thời xét nguyện vọng của trẻ M mong muốn sống cùng mẹ, vì vậy giao con chung cho bà D nuôi dưỡng là phù hợp; Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con của ông D là 3.000.000 đồng/tháng, căn cứ vào Điều 58, 81, 82, 83, 84 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận ; Tài sản chung: Không có nên không xem xét; Án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1].*Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:*

Tranh chấp giữa các bên trong vụ án là tranh chấp về: " Ly hôn" được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại thời điểm thụ lý vụ án, bị đơn ông Trịnh Quốc D có nơi cư trú tại quận Bình Thạnh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. *Về thủ tục tố tụng:*

Ngày 05 tháng 01 năm 2022 nguyên đơn là bà Trần Mai D có đơn xin xét xử vắng mặt; Bị đơn ông Trịnh Quốc D đã được tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, và Giấy triệu tập tham gia phiên tòa đến lần thứ 2 nhưng vắng mặt; Tòa án căn cứ vào điểm a, b Khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử theo quy định của pháp luật.

[3].*Về yêu cầu của đương sự:*

- Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số: 107/2014, quyển số: 01/2014 ngày 07/10/2014 do Ủy ban nhân dân phường 27, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông Trịnh Quốc D và bà Trần Mai D, đồng thời căn cứ vào lời trình bày của bà Trần Mai D tại Tòa án thì quan hệ hôn nhân giữa bà ông bà là hợp pháp.

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn và lời trình bày của bà D trong quá trình giải quyết vụ án, bà xác định tình cảm vợ chồng giữa bà và ông D không còn hạnh phúc, mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể tiếp tục kéo dài cuộc sống hôn nhân nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông D.

Tòa án đã mời ông, bà đến để tiến hành hòa giải đoàn tụ, nhưng ông D nhiều lần không có mặt để tham gia hòa giải, cũng như tham gia phiên tòa xét xử vụ án; Điều này cho thấy ông D không có thiện chí xây dựng lại cuộc sống gia đình, hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Căn cứ Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình quy định về: Ly hôn theo yêu cầu của một bên như sau:

"Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được"

Xét thấy, cuộc sống chung giữa bà D và ông D còn hạnh phúc, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng khi đôi bên không có sự chia sẻ, yêu thương và tôn trọng lẫn nhau; Mặt khác ông D không có mặt tại Tòa án theo các văn bản triệu tập. Điều đó chứng tỏ rằng đời sống chung của ông bà không thể kéo dài, mục đích hôn nhân xây dựng một gia đình hạnh phúc không đạt được. Vì vậy, yêu cầu được ly hôn của bà D là có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về con chung: Ông bà đều xác nhận có 01 (Một) con chung tên Trịnh Anh M, sinh ngày: 25/7/2015. Căn cứ vào nguyện vọng của trẻ cũng như lời trình bày của bà D là người trực tiếp chăm sóc con chung từ khi trẻ sinh ra cho đến nay, Hội đồng xét xử xét thấy để đảm bảo lợi ích toàn diện cho trẻ thì việc giao con cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp, nên chấp nhận yêu cầu của bà D; Về cấp dưỡng nuôi con: Mặc dù phía bà D không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, tuy nhiên ông D có lời trình bày tự nguyện cấp dưỡng nuôi con số tiền 3.000.000 đồng/tháng, Hội đồng xét xử xét thấy cần ghi nhận sự tự nguyện này của ông D vì có lợi và phù hợp cho lợi ích của trẻ đang trong giai đoạn phát triển.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông bà cùng trình bày không có tài sản chung và nợ chung trong thời gian chung sống nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4].*Về án phí:*

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu của nguyên đơn; Do đó, bà D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng. Người có nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; Do đó, ông D phải chịu án phí là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 146, 147, 227, 228, 273, 278, và Điều 280 của Bộ luật Tố Tụng dân sự;

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 51, Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ vào Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

- Căn cứ vào Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015;

- Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Trần Mai D.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Mai D được ly hôn với ông Trịnh Quốc D.

- Về con chung: Giao 01 (một) con chung tên Trịnh Anh Minh, sinh ngày: 25/7/2015 cho bà Trần Mai D trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Trịnh Quốc D cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 3.000.000 đồng.

Sau khi ly hôn, ông Trịnh Quốc D được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Vì lợi ích của của con, khi có căn cứ bà D và ông D có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ khi bà D có đơn yêu cầu thi hành án, ông D chưa thi hành số tiền cấp dưỡng nêu trên thì hàng tháng ông D còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ghi nhận lời trình bày của bà Trần Mai D không có tài sản chung, nợ chung với ông Trịnh Quốc D.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Án phí Hôn nhân và gia đình 300.000 đồng bà Trần Mai D phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà D đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0089783 ngày 18/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà D đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ là 300.000 đồng, ông Trịnh Quốc D phải chịu.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế

thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP. HCM;
- VKSND Q. Bình Thạnh;
- Chi cục THADS Q. Bình Thạnh;
- UBND phường X, Q. Bình Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc An